

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2025/DS-PT

Ngày: 23 - 6 - 2025

V/v: Tranh chấp ranh giới, mốc
giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết, bà Phạm Thúy Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 30/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Vương Văn G, sinh năm 1945 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Vương Thị G1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà E phố K, phường V, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Đình C, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị La .

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Trần Thị L trình bày: Thừa đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là do bà L và ông Hoàng Đình C (bà L và ông C đã ly hôn vào năm 2023) nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Đình Q và ông Hoàng Đình Q1 từ năm 2000 (ông Q và ông Q1 đều đã chết). Khi chuyển nhượng, hai bên có lập Hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã T, diện tích đất là 1553m² loại đất ở, có trích lục bản đồ kèm theo. Thửa đất khi đó chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Trên đất có nhà cấp 4 ba gian, 01 công trình phụ, nhà bếp và bờ tường bao với nhà ông G, bà T do ông Q, ông Q1 để lại. Năm 2002, bà L và ông C được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất đã nhận chuyển nhượng là thửa đất số 114, 185 và 113 đều thuộc tờ bản đồ số 06, tổng diện tích 1156m², địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Diện tích đất được cấp GCNQSDĐ giảm so với diện tích vợ chồng bà L nhận chuyển nhượng từ ông Q, ông Q1 là do khi nhận chuyển nhượng có các ao sử dụng chung với các hộ, sau khi đo đạc lại, phần diện tích ao giảm đi. Vợ chồng bà L đồng ý với phần diện tích được cấp GCNQSDĐ. Quá trình sử dụng, khoảng năm 2005 - 2006, vợ chồng bà L phá nhà cũ xây dựng ngôi nhà mới trên nền nhà cũ, còn bờ tường bao phía nhà ông G, bà T vợ chồng bà L vẫn giữ nguyên làm ranh giới. Hai gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Năm 2012, gia đình ông G, bà T đã tự ý phá bờ tường này và xây dựng bờ tường mới lấn chiếm sang đất của vợ chồng bà L khoảng 30cm chiều rộng và 33,5m chiều sâu, diện tích khoảng 15m². Khi biết việc này, vợ chồng bà L phản đối và yêu cầu gia đình ông G dừng việc xây dựng nhưng ông G vẫn cố ý tiếp tục xây dựng. Cùng năm, gia đình ông G còn xây dựng nhà ăn, nhà ở ... Hiện nay, giáp bức tường của gia đình ông G là nhà ăn, nhà ở, công trình phụ do gia đình ông G xây dựng. Khi gia đình ông G xây dựng, vợ chồng bà L phản đối nhưng ông G không nghe. Bà đã làm đơn đề nghị UBND xã T giải quyết nhưng không đạt được kết quả. Bà L xác định mốc giới giữa thửa đất của gia đình bà L và thửa đất của gia đình ông G là bờ tường bao cũ từ khi vợ chồng bà nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông Q, ông Q1. Năm 2012, gia đình ông G đã tự ý phá dỡ nhưng vẫn còn trụ cổng của gia đình bà L từ khi nhận chuyển nhượng của ông Q, ông Q1. Bà L khởi kiện đề nghị Toà án buộc ông G và bà T phải trả lại cho bà L và ông C phần diện tích đất đã lấn chiếm, theo tính toán của bà vào khoảng 15m² và buộc gia đình ông G phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất đã lấn chiếm của bà và ông C.

2. Bị đơn Vương Văn G và Hoàng Thị T do ông G đại diện trình bày: Vợ chồng ông G được cấp thửa đất ở từ tháng 6 năm 1972 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Mảnh đất trên phía Nam giáp với đường đi lại của thôn, phía Đông giáp với mảnh vườn nhà ông M và bà X; phía Bắc giáp với đường đi chung của xóm, phía Tây giáp với vườn của gia đình ông Q1 và bà L1 (Chủ đất đầu tiên của mảnh vườn bà L và ông C hiện đang sử dụng). Năm 1975, gia đình ông G đã xây nhà ở và làm công trình phụ, tường rào gianh giới trên đất nhà ông G với hộ hàng xóm liền kề là gia đình ông Q1 và bà L1, hai bên không có tranh chấp về ranh giới. Sau đó, ông Q1 và bà L1 có chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông Q và bà T1 (ông Q là em ruột của ông Q1). Trong thời gian vợ chồng ông Q là hàng xóm mới đến ở, hai bên gia đình sinh sống ổn định và không có tranh chấp về ranh giới đối với bờ tường xây nói trên. Đến khi gia đình ông Q và bà T1 chuyển nhượng cho gia đình bà L và ông C là gia đình thứ 3 đến ở mảnh đất nói trên, hai bên hàng xóm cũng không có việc tranh chấp về ranh giới. Đến tháng 2 năm 2012, gia đình ông G xây lại căn nhà và xây lại bức tường giáp với nhà ông

C, bà L. Khi gia đình ông G xây bờ tường giáp ranh trên, hai bên hòa thuận, không tranh chấp, ông C chồng bà L có sang làm giúp ăn cơm mà không lấy tiền công. (Toàn bộ vật tư và chi phí xây dựng do gia đình ông lo liệu).

Cuối năm 2021, bà L và con trai là anh C1 cho rằng bờ tường là bờ tường chung và đã có hành vi phá hoại khi chưa được xác minh cụ thể. Gia đình ông G và gia đình bà L cũng đã có mặt tại khu vực giáp ranh để chỉ mốc giới, khi đó ông C chồng bà L có chỉ và thừa nhận khi nhận đất chủ cũ đã chỉ đất nhà mình đến đây và bờ tường là của nhà ông G nhưng bà L và anh C1 không chấp nhận. Ngày 20/4/2022, UBND xã tổ chức hòa giải theo đơn đề nghị của bà L. Về mốc giới, trong buổi hòa giải có các ban ngành, đoàn thể và các đồng chí chuyên môn tham gia các ý kiến thì gia đình ông G đã nhượng bộ thống nhất theo nguyện vọng của bà L là giữ nguyên bờ tường làm tim chung của hai gia đình và không bên nào được sử dụng bờ tường đó, đồng thời yêu cầu gia đình hạ thấp chiều cao bờ tường xuống 50 phân giữ nguyên móng để chung ranh giới. Cả hai bên đã nhất trí với nội dung trên. Sau khi gia đình ông G thuê người phá dỡ chiều cao của bức tường như trong biên bản làm việc và thống nhất tại hội nghị hòa giải thì bà L không cho nhà ông G bước chân sang đất nhà bà ấy để tháo dỡ tường. Thợ làm thuê đã đứng ở một vế nhà ông để phá dỡ. Trong khi đang phá dỡ bà L không cho phá nữa và bắt phải để nguyên bờ tường với lý do con trai bà không đồng ý. Lúc này có lực lượng lãnh đạo thôn, xã vào chứng kiến. Sau khi nhận thấy hành vi, tính khí của hàng xóm là bất thường vì vậy gia đình ông G đã để nguyên bức tường cũ và xây bờ tường nhà xe về phía trong của bờ tường cũ trên đất nhà ông G. Cũng sau hội nghị hòa giải của xã hòa giải theo đơn của bà L ngày 07/9/2022 không thành, thì UBND xã đã thành lập đoàn đến đo đạc mốc giới theo yêu cầu của bà L thì bà L không chỉ được mốc giới. Đoàn đo đạc đã không thể thực hiện được việc đo đạc.

Vợ chồng ông G cho rằng bà L khởi kiện nhà ông G lấn chiếm đất của nhà bà L và đòi 0,3m chiều rộng đất x 38 m chiều dài = 15m² là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Đề nghị Tòa án xác định ranh giới giữa hai bên là bờ tường bao do gia đình ông xây dựng, kéo dài đến hết đất. Phần trụ cổng của nhà bà L nằm trên đất của gia đình ông G, ông G đề nghị phá dỡ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình C trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như bà L đã trình bày. Năm 2012, vợ chồng ông G, bà T phá bờ tường cũ phía đường xóm. Ông G, bà T bỏ vật liệu còn ông C là người xây tường, bà L phụ vữa nên bờ tường này là tường chung của hai nhà. Từ phía sau đến bờ tường mới vẫn còn bờ tường cũ. Khoảng năm 2022 - 2023, bà L và con ông C đã phá bờ tường phía cuối đất nhưng móng tường vẫn còn. Khi vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Q, ông Q1, bờ tường giáp ranh giữa hai bên là tường 10, trụ cổng vẫn còn, từ bờ tường cũ nằm ở giữa trụ cổng, cách về nhà ông G khoảng 01 hàng gạch. Năm 2012, ông G bà T phá tường cũ và xây lại tường mới là tường 20. Ông C xác định ranh giới giữa hai bên là ở giữa bức tường kéo dài đến cuối đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật và mong muốn hai bên hòa giải để thống nhất được mốc giới.

4. Người làm chứng Phạm Thị L1 trình bày: Vợ chồng bà L1 là chủ sử dụng của thửa đất hiện do bà L đang quản lý sử dụng từ năm 1973 đến năm 1989. Gia đình ông G là hàng xóm. Trong thời gian sinh sống trên thửa đất, vợ chồng bà L1 đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 và cổng. Khi xây cổng, vợ chồng bà L1 có nhờ ông G xây sang phần đất nhà ông G để đường chạy thẳng vào trong, ông G đồng ý. Ranh giới giữa hai thửa đất là bức tường do gia đình ông G xây dựng. Năm 1989, vợ chồng bà cho vợ chồng em trai là ông Q, bà T1 ra ở trên thửa đất. Năm 2000, ông Q, ông Q1 chuyển nhượng thửa đất cho ông C, bà L. Trong thời gian vợ chồng bà L1 sinh sống trên thửa đất, giữa gia đình bà và gia đình ông G không có tranh chấp về mốc giới.

5. Người làm chứng Trần Thị T1 trình bày: Vợ chồng bà T1 sử dụng thửa đất từ năm 1989 đến năm 2000 thì chuyển nhượng cho ông C, bà L. Bờ tường bao giữa hai thửa đất bà T1 không biết do ai xây dựng vì khi đến ở đã có bức tường này. Trong thời gian vợ chồng bà T1 ở trên thửa đất không có tranh chấp với gia đình ông G.

6. Kết quả xác minh tại UBND xã T:

Theo bản đồ 299, thửa đất của ông C, bà L thể hiện tại thửa số 538, diện tích 317m²; thửa đất của ông G, bà T thể hiện tại các thửa số 588, diện tích 707m², thửa 569, diện tích 479m² và thửa 395, diện tích 50m². Bản đồ 299 được can vẽ lại vào năm 1995, không được xét duyệt nên chỉ có tính tham khảo. Sổ mục kê 299 không trùng khớp số thửa, diện tích các thửa đất.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1997, thửa đất của ông C, bà L thể hiện tại thửa 114, diện tích 756m², thửa 185, diện tích 208m² và sử dụng ao chung tại thửa 113, diện tích 1461m²; Thửa đất của ông G, bà T thể hiện tại thửa 126, diện tích 870m² và thửa 127, diện tích 326m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các hộ dựa vào bản đồ đo đạc năm 1997.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2011, thửa đất của ông C, bà L thể hiện tại thửa 182, diện tích 974.4m². Thửa đất của ông G, bà T thể hiện tại thửa 207, diện tích 1164.8m².

Con đường phía trước nhà ông G, bà T có mở rộng nhưng mở ruộng về phía ruộng nước. Diện tích các thửa đất có sự biến động qua các thời kỳ nguyên nhân một phần do sai số đo đạc, một phần có thể do các hộ gia đình tự chuyển đổi cho nhau. Kích thước các cạnh có biến động so với GCNQSDĐ có thể do sai số đo đạc (đo đạc bằng phương pháp thủ công).

Tranh chấp giữa gia đình bà L và gia đình ông G bắt đầu từ năm 2022. UBND xã tổ chức hòa giải lần đầu vào ngày 20/4/2022.

7. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Thửa đất do gia đình bà L quản lý sử dụng có diện tích 649,3m², thửa đất do gia đình ông G, bà T quản lý sử dụng có diện tích 1184,7m². Phần giáp ranh giữa hai thửa đất gồm 01 trụ cổng rộng 34 cm, dài 187cm tương ứng đoạn A1A2, đoạn A2A3 là tường bao 220 dài 5.4m; đoạn A3A4 là tường bao 110 dài 12.61m; đoạn A4A5 là móng tường bao dài 13.85m.

8. Kết quả định giá tài sản: Giá đất ở tại vị trí tranh chấp là 3.000.000 đồng/m²; giá đất nuôi trồng thủy sản là 75.000 đồng/m²; giá đất trồng cây lâu năm là 80.000 đồng/m²; giá trị công trình trên đất gồm: Cổng xây gạch chỉ đỏ trước năm 2000 = 1.167.000 đồng, đoạn tường 220 = 4.106.000 đồng, đoạn tường 110 = 4.869.000 đồng, đoạn chỉ có móng = 5.587.000 đồng.

9. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 20/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc xác định mốc giới quyền sử dụng đất giữa nhà bà Trần Thị L, ông Hoàng Đình C và nhà ông Vương Văn G, bà Hoàng Thị T; yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên phần mốc giới. Phần trụ cổng của gia đình bà L, ông C. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà L buộc gia đình ông G, bà T phải trả cho bà L và ông C 15m² đất ở phía giáp ranh giữa nhà bà L và nhà ông G. Xác định ranh giới giữa hai thửa đất của gia đình bà L, ông C và gia đình ông G, bà T là bên ngoài trụ cổng của gia đình bà L, ông C từ điểm A26 đến A25; tìm tường bao chung từ điểm A27, A28, A29, A30 (Có sơ đồ kèm theo). Bà L, ông C và gia đình ông G, bà T cùng có trách nhiệm tháo dỡ bức tường chung đã xây dựng năm 2012. Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/4/2025 nguyên đơn Trần Thị L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ranh giới đất giữa hai gia đình là đường thẳng theo cạnh ngoài của trụ cổng kéo dài hết đất.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; xác định căn cứ kháng cáo là cạnh đất giáp ranh giữa hai gia đình trong GCNQSDĐ là đường thẳng và đất bà L bị thiếu so với GCNQSDĐ.

Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông C xác định khi ông C, bà L mua đất của ông Q1 thì hai bên không đo đất thực tế; khi đó ông Q1 đã xây trụ cổng hiện trụ cổng vẫn còn, tiếp theo trụ cổng vào phía trong có đoạn tường 10 do gia đình ông G xây đầu vào cạnh ngoài của trụ cổng gia đình ông Q1 xây; phía trong đoạn tường 10 do ông G xây cho đến ao là đoạn tường 10 do gia đình ông Q1 xây làm ranh giới. Năm 2012 gia đình ông G phá toàn bộ tường 10 từ trụ cổng nhà ông C ra đến ao để xây dựng tường mới là tường 20 có xây thêm 10cm sang phía đất ông C, bà L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1997 (bản đồ cấp GCNQSDĐ), thửa đất của ông C, bà L thể hiện tại thửa 114, diện tích 756m², thửa 185, diện tích 208m² và sử dụng ao chung tại thửa 113, diện tích 1461m²; thửa đất của ông G, bà T thể hiện tại thửa 126, diện tích 870m² và thửa 127, diện tích 326m². Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2011, thửa đất của ông C, bà L thể hiện tại thửa 182, diện tích 974,4m². Thửa đất của ông G, bà T thể hiện tại thửa 207, diện tích 1164,8m². Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất do nguyên đơn, bị đơn quản lý sử dụng đều có sự thay đổi về hình thể, diện tích sử dụng theo hiện trạng của hai bên đều giảm so với diện tích trong GCNQSDĐ.

Thửa đất của bà L, ông C có được từ nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà T1 từ năm 2000; trước vợ chồng bà T1 thì chủ cũ của thửa đất là vợ chồng bà L1. Lời khai của các đương sự và người làm chứng đều xác định gia đình bà L1 và gia đình ông G đã có ranh giới đất là trụ cổng và tường xây từ trụ cổng vào đến ao. Giữa gia đình ông G và gia đình bà L1, sau đó là gia đình bà T1 không tranh chấp ranh giới. Khi bà L, ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà T1, theo ông C xác định hai bên không đo khảo diện tích đất, vợ chồng bà T1 nói với ông C trụ cổng là của gia đình bà T1, đoạn tường 10 tiếp giáp với trụ cổng là của gia đình ông G, đoạn tường 10 tiếp phía trong ra đến ao là của gia đình bà T1. Hai bên gia đình sử dụng trụ cổng và các đoạn tường trên làm ranh giới ổn định, không có tranh chấp. Lời khai của các đương sự thống nhất, năm 2012 gia đình ông G đã phá dỡ bờ tường ranh giới trước để xây dựng bờ tường mới là tường 20 trong đó xây thêm về phía đất bà L, ông C ½ chiều ngang bức tường. Ông C xác định khi đó hai bên không tranh chấp, gia đình ông G bỏ vật liệu, ông C và bà L cùng bỏ công ra trực tiếp xây bờ tường; lời trình bày của ông C phù hợp với xác nhận của UBND xã và những người làm chứng nên bà L cho rằng thời điểm phá dỡ tường cũ, xây tường mới hai bên đã có tranh chấp là không có căn cứ.

Như vậy, ranh giới giữa đất bà L, ông C và đất ông G, bà T đã được vợ chồng bà L1 và vợ chồng ông G xác định từ trước khi bà L, ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là mặt ngoài của trụ cổng nhà bà L1 và mặt ngoài của tường bao nhà ông G và không là đường thẳng. Bà L chỉ căn cứ vào GCNQSDĐ được cấp năm 2008 không phù hợp với ranh giới đất do hai chủ sử dụng xác lập làm căn cứ cho rằng ông G lấn đất của bà L là không có căn cứ. Tại biên bản hòa giải do UBND xã T ngày 20/4/2022 hai gia đình cũng đã thỏa thuận tường bao do ông G xây năm 2012 là ranh giới, mốc giới chung của hai gia đình. Cấp sơ thẩm xác định ranh giới giữa đất bà L, ông C và đất ông G, bà T là mặt ngoài của trụ cổng cũ do gia đình bà L1 xây dựng và tim tường bao 20 do ông G xây dựng năm 2012 là ranh giới của hai bên gia đình là phù hợp quy định tại Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự. Kháng cáo của bà L không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Bà L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị La . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Buộc bà Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000400 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, bà L đã nộp đủ án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- TAND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Hiệu